TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày: 19-02-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Luận;

Bà Dương Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 01 năm 2024 và ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần P(H1

Địa chỉ: B B, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thiện H vụ: Giám đốc Chi nhánh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thiện HÔng Nguyễn Thái B vụ: Giám đốc - H1và bà Phan Thị T1 T1Chức vụ: Chuyên viên - H1

- *Bị đơn:*

1/ Võ Thành C, sinh năm 1977;

2/ Nguyễn Thị N, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Văn T2, sinh năm 1964 (anh R bà N1).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

(Chị T2, ông T3 có mặt tại phiên tòa; Ông Cbà N đều vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần P là bà Phan Thị Thanh T4: Ông Võ Thành C bà Nguyễn Thị N2 Ngân hàng Thương mại cổ phần P có ký Hợp đồng tín dụng và các phụ lục Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 17711/20MN/HĐTD, ngày 19-6-2020 số tiền vay là 1.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả lãi đầu tiên ngày 19-6-2020, lãi suất trong hạn 11%/năm trên nợ gốc, mục đích vay bổ sung vốn nuôi cá tra giống.

Phụ lục Hợp đồng tín dụng số: 17711/20MN/HĐTD/PL01 ngày 16-7-2020 (Thuộc hợp đồng tín dụng hạn mức số 17711/20MN/HĐTD, ngày 19-6-2020).

Phụ lục Hợp đồng tín dụng số: 17711/20MN/HĐTD/PL02 ngày 30-9-2021 (Thuộc hợp đồng tín dụng hạn mức số 17711/20MN/HĐTD, ngày 19-6-2020) số tiền vay còn 1.300.000.000 đồng.

Phụ lục Hợp đồng tín dụng số: 17711/20MN/HĐTD/PL03 ngày 25-11-2021 (Thuộc hợp đồng tín dụng hạn mức số 17711/20MN/HĐTD, ngày 19-6-2020) số tiền vay còn 700.000.000 đồng.

Theo khế ước nhận nợ số: 17711/20MN/HĐTD/KUNN05 ngày 02-7-2021.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng và các phụ lục Hợp đồng tín dụng trên ông C bà N có trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P tiền gốc 6.894.800 đồng. Nên ông C bà N còn nợ số tiền vay gốc là 693.105.200 đồng, tiền lãi tính đến ngày 16-02-2024 là 244.574.247đồng (trong đó: lãi trong hạn 39.774.404đồng, lãi quá hạn 204.799.843 đồng), tổng cộng gốc và lãi là 937.679.447 đồng.

Đồng thời, Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P cấp cho ông C bà N giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08-4-2021 với số tiền là 50.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ thì ông C bà N đã thực hiện các giao dịch và thanh toán nhiều lần nên ông C bà N còn dư nợ thẻ gốc 37.708.042 đồng, tiền lãi tính đến ngày 16-02-2024 là 55.311.940 đồng (trong đó: lãi trong hạn 48.845.788 đồng, lãi quá hạn 6.466.152 đồng), tổng cộng gốc và lãi là 93.019.982 đồng.

Khi vay ông C bà N có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ như sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 12471/20MN/HĐBBĐ ngày 19-6-2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 14604/20MN/HĐBĐ ngày 16-7-2020 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P ông Võ Thành C1 và bà Nguyễn Thị N, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất gồm:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0453088 do Ủy ban nhân dân huyện T ngày 01-7-1995, cập nhật thay đổi ngày 14-5-2020 và ngày 04-6-2020.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 391923 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đcấp ngày 09-7-2020.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 391924 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đcấp ngày 09-7-2020.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 391925 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đcấp ngày 09-7-2020.

Tổng diện tích 20.467m^2; thuộc các thửa đất số: 222, 255, 256, 258, 914, 1589, 913 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã T, huyện T

Tại phiên tòa bà Phan Thị Thanh T4 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Thành C bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P Hsố tiền vay còn thiếu gốc 693.105.200 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 16-02-2024 là 244.574.247 đồng (trong đó: lãi trong hạn 39.774.404 đồng, lãi quá hạn 204.799.843 đồng), tổng cộng gốc và lãi là 937.679.447 đồng và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 17-02-2024 theo Hợp đồng tín dụng số: 17711/20MN/HĐTD, ngày 19-6-2020; phụ lục hợp đồng tín dụng số: 17711/20MN/HĐTD/PL01 ngày 16-7-2020; phụ lục hợp đồng tín dụng số: 17711/20MN/HĐTD/PL02 ngày 30-9-2021 và phụ lục hợp đồng tín dụng số: 17711/20MN/HĐTD/PL03 ngày 25-11-2021 và khế ước nhận nợ số: 17711/20MN/HĐTD/KUNN05 ngày 02-7-2021 đến khi ông C bà N3 thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P

Đồng thời, yêu cầu ông C bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền gốc còn thiếu là 37.708.042 đồng, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 16-02-2024 là 55.311.940 đồng (trong đó: lãi trong hạn 48.845.788 đồng, lãi quá hạn 6.466.152 đồng), tổng cộng gốc và lãi là 93.019.982đồng và tiếp tục tính lãi theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08-4-2021 đến khi ông C bà N3 thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P

Yêu cầu Tòa án xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 12471/20MN/HĐBBĐ ngày 19-6-2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 14604/20MN/HĐBĐ ngày 16-7-2020 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P ông Võ Thành C1 và bà Nguyễn Thị N.

Bị đơn ông Võ Thành C, bà Nguyễn Thị N: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T5: Ông T2là người đang quản lý trông coi hộ các phần diện tích đất dùm cho ông Võ Thành C bà Nguyễn Thị N tại các thửa 914, 913, 1589 đất tại xã T, huyện T C và bà N thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P vay vốn. Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần P khởi kiện ông C và bà N và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trên, nên ông T5 là người đang quản lý dùm cho ông C và bà N ông T5 thống nhất giao trả lại các thửa đất trên cho ông C và bà N để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông T5 không yêu cầu gì trong vụ án này.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); các Điều 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi hiện của nguyên đơn H1về việc yêu cầu cầu ông Võ Thành C bà Nguyễn Thị N4 số tiền vay còn thiếu tính đến ngày 16-02-2024, tổng số tiền là 1.030.699.429 đồng. Trong đó:

Dư nợ khoản vay 937.679.447 đồng (gồm số tiền gốc 693.105.200 đồng, tiền lãi trong hạn 39.774.404 đồng, tiền lãi quá hạn 204.799.843 đồng).

Dư nợ thẻ tín dụng 93.019.982 đồng (gồm số tiền gốc 37.708.042đồng, tiền lãi trong hạn 48.845.788 đồng, tiền lãi quá hạn 6.466.152 đồng).

Ông Võ Thành C bà Nguyễn Thị N5 tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P theo mức lãi mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số: 17711/20MN/HĐTD, ngày 19-6-2020; phụ lục hợp đồng tín dụng số: 17711/20MN/HĐTD/PL01 ngày 16-7-2020; phụ lục hợp đồng tín dụng số: 17711/20MN/HĐTD/PL02 ngày 30-9-2021 và phụ lục hợp đồng tín dụng số: 17711/20MN/HĐTD/PL03 ngày 25-11-2021 và khế ước nhận nợ số: 17711/20MN/HĐTD/KUNN05 ngày 02-7-2021 và phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng (H2theo mức lãi mà các bên thỏa thuận theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 08-4-2021, kể từ ngày 17-02-2024 trên số dư nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán nợ xong.

Công nhận Hợp đồng thế chấp số 12471/20MN/HĐBĐ ngày 19-6-2020 số công chứng 2418-Quyển số: 06TP/CC-SCC/HĐ-GĐ và Hợp đồng thế chấp số 14604/20MN/HĐBĐ ngày 16-7-2020, số công chứng 2882-Quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐ-GD giữa Ngân hàng với ông Võ Thành C bà Nguyễn Thị N

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Võ Thành C bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa trên hai lần không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Thành C bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P Hsố tiền vay còn thiếu gốc 693.105.200đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 16-02-2024 là 244.574.247đồng (trong đó: lãi trong hạn 39.774.404 đồng, lãi quá hạn 204.799.843 đồng), tổng cộng gốc và lãi là 937.679.447 đồng và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 17-02-2024 theo hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng tín dụng trên đến khi ông C bà N hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố H.

Đồng thời, Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P cầu ông Võ Thành C1 và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P Hsố tiền gốc còn thiếu là 37.708.042 đồng, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 16-02-2024 là 55.311.940 đồng (trong đó: lãi trong hạn 48.845.788 đồng, lãi quá hạn 6.466.152 đồng), tổng cộng gốc và lãi là 93.019.982 đồng và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 17-02-2024 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08-4-2021 đến khi ông C bà N hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P

Yêu cầu Tòa án xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 12471/20MN/HĐBBĐ ngày 19-6-2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 14604/20MN/HĐBĐ ngày 16-7-2020 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P ông Võ Thành C bà Nguyễn Thị N.

Xét thấy: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bị đơn ông Võ Thành C bà Nguyễn Thị N và việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng các bị đơn ông Võ Thành C1 và bà Nguyễn Thị N không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P như không phản đối gì đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P có đủ căn cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2, khoản 4 khoản Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại khoản 2, khoản 4 khoản Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thực hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".*

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".*

Từ những phân tích trên chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần P, buộc ông Võ Thành C bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P Hsố tiền vay còn thiếu gốc 693.105.200 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 16-02-2024 là 244.574.247đồng (trong đó: lãi trong hạn 39.774.404đồng, lãi quá hạn 204.799.843 đồng), tổng cộng gốc và lãi là 937.679.447đồng và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 17-02-2024 theo hợp đồng tín dụng và các phụ lục hợp đồng tín dụng trên đến khi ông C bà N3 thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P buộc ông Võ Thành C bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P tiền gốc còn thiếu 37.708.042 đồng, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 16-02-2024 là 55.311.940 đồng (trong đó: lãi trong hạn 48.845.788 đồng, lãi quá hạn 6.466.152 đồng), tổng cộng gốc và lãi là 93.019.982 đồng và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 17-02-2024 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08-4-2021 đến khi ông C bà N hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 12471/20MN/HĐBBĐ ngày 19-6-2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 14604/20MN/HĐBĐ ngày 16-7-2020 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P ông C và bà N thì ông C bà N không có ý kiến gì. Còn đối với ông T5 là người đang quản lý đất dùm cho ông C bà N tại các thửa đất 914, 913, 1589 mà cho ông C bà N đang thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P ông T2thống nhất giao trả lại các thửa đất trên cho ông C bà N để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ án. Xét thấy đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 12471/20MN/HĐBBĐ ngày 19-6-2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 14604/20MN/HĐBĐ ngày 16-7-2020 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P ông C bà N không ai tranh chấp, nên công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 12471/20MN/HĐBBĐ ngày 19-6-2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 14604/20MN/HĐBĐ ngày 16-7-2020 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P ông C bà N.

[3] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn ông Võ Thành C bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới chịu 42.920.982đồng, làm tròn 42.921.000 đồng án phí.

Ngân hàng Thương mại cổ phần P không phải chịu án phí nên được nhận lại 18.439.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0011096 ngày 13-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (do Phan Thị Thanh T1nộp thay).

Ông Nguyễn Văn T6 phải chịu án phí.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 299, 317, 318, 320, 322, 323, 351 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố H

Buộc ông Võ Thành C, bà Nguyễn Thị N6 nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P H số tiền vay còn thiếu gốc 693.105.200 đồng, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 16-02-2024 là 244.574.247đồng (trong đó: lãi trong hạn 39.774.404đồng, lãi quá hạn 204.799.843 đồng), tổng cộng gốc và lãi là 937.679.447đồng (Chín trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng) và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 17-02-2024 theo Hợp đồng tín dụng số: 17711/20MN/HĐTD, ngày 19-6-2020; phụ lục hợp đồng tín dụng số: 17711/20MN/HĐTD/PL01 ngày 16-7-2020; phụ lục hợp đồng tín dụng số: 17711/20MN/HĐTD/PL02 ngày 30-9-2021 và phụ lục hợp đồng tín dụng số: 17711/20MN/HĐTD/PL03 ngày 25-11-2021 và khế ước nhận nợ số: 17711/20MN/HĐTD/KUNN05 ngày 02-7-2021 đến khi ông C bà N3 thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P buộc ông Võ Thành C bà Nguyễn Thị N6 nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P tiền gốc còn thiếu 37.708.042 đồng, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 16-02-2024 là 55.311.940 đồng (trong đó: lãi trong

hạn 48.845.788 đồng, lãi quá hạn 6.466.152 đồng), tổng cộng gốc và lãi là 93.019.982 đồng (Chín mươi ba triệu không trăm mười chín nghìn chín trăm tám mươi hai đồng) và tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 17-02-2024 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08-4-2021 đến khi ông C bà N3 thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P

Công nhận các hợp đồng thế chấp sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 12471/20MN/HĐBBĐ ngày 19-6-2020.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 14604/20MN/HĐBĐ ngày 16-7-2020.

2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn ông Võ Thành C bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới chịu 42.921.000 đồng (Bốn mươi hai triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng) án phí.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển thành phố P phải chịu án phí nên được nhận lại 18.439.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0011096 ngày 13-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (do Phan Thị Thanh T1nộp thay).

Ông Nguyễn Văn T6 phải chịu án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19-02-2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Hương